Chi tiết mã HS 4911.10.90

Mã HS	4911.10.90
Mô tả hàng hóa	Các ấn phẩm in khác, kể cả tranh và ảnh in / - Các ấn phẩm quảng cáo thương mại, các catalog thương mại và các ấn phẩm tương tự: / - - Loại khác
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	11/11/2026 21:28:34
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/49111090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	30	30%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K7782
Thuế NK ưu đãi (MFN)	20	20%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N7782
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q7782
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-KH, CN)	0% (trừ KH, CN)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	2,5	2,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	2,5	2,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	8	8%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	15	15%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục B)	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AHKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục C)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E7509
ATIGA	2022	2022	0	AT!E7462
ATIGA	2023	2023	0	AT!F7462
ATIGA	2024	2024	0	AT!G7462
ATIGA	2025	2025	0	AT!H7462
ATIGA	2026	2026	0	AT!I7462
ATIGA	2027	2027	0	AT!J7462
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	1	AJ!E7512
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F7512
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G7512

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H7512
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I7512
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J7512
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E7513
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F7513
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G7513
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H7513
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I7513
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J7513
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F7514
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H7468
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F7476
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G7476
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H7476
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I7476
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J7476
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K7476
VKFTA	2022	2022	0	VK!E7498
VKFTA	2023	2023	0	VK!F7498
VKFTA	2024	2024	0	VK!G7498
VKFTA	2025	2025	0	VK!H7498
VKFTA	2026	2026	0	VK!I7498
VKFTA	2027	2027	0	VK!J7498
VCFTA	2022	2022	4	VC!D7544
VCFTA	2023	2023	2	VC!E7544
VCFTA	2024	2024	0	VC!F7544

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G7544
VCFTA	2026	2026	0	VC!H7544
VCFTA	2027	2027	0	VC!I7544
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D7524
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E7524
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F7524
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G7524
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H7524
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I7524
AHKFTA	2022	2022	*	AKH!D7537
AHKFTA	2023	2023	*	AKH!E7537
AHKFTA	2024	2024	*	AKH!F7537
AHKFTA	2025	2025	*	AKH!G7537
AHKFTA	2026	2026	*	AKH!H7537
AHKFTA	2027	2027	*	AKH!I7537
EVFTA	2022	2022	12,5	EV-NK!D7541
EVFTA	2023	2023	10	EV-NK!E7541
EVFTA	2024	2024	7,5	EV-NK!F7541
EVFTA	2025	2025	5	EV-NK!G7541
EVFTA	2026	2026	2,5	EV-NK!H7541
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I7541
UKVFTA	2022	2022	12,5	UKV!D7542
UKVFTA	2023	2023	10	UKV!E7542
UKVFTA	2024	2024	7,5	UKV!F7542
UKVFTA	2025	2025	5	UKV!G7542
UKVFTA	2026	2026	2,5	UKV!H7542

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I7542
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D7492
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E7492
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F7492
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G7492
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H7492
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I7492
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J7492
RCEP A	2022	2022	19	RCEPT-A!D7529
RCEP A	2023	2023	18	RCEPT-A!E7529
RCEP A	2024	2024	17	RCEPT-A!F7529
RCEP A	2025	2025	16	RCEPT-A!G7529
RCEP A	2026	2026	15	RCEPT-A!H7529
RCEP A	2027	2027	14	RCEPT-A!I7529
RCEP B	2022	2022	20	B!D7529
RCEP B	2023	2023	20	B!E7529
RCEP B	2024	2024	20	B!F7529
RCEP B	2025	2025	20	B!G7529
RCEP B	2026	2026	20	B!H7529
RCEP B	2027	2027	20	B!I7529
RCEP C	2022	2022	*	C!D7529
RCEP C	2023	2023	*	C!E7529
RCEP C	2024	2024	*	C!F7529
RCEP C	2025	2025	*	C!G7529
RCEP C	2026	2026	*	C!H7529
RCEP C	2027	2027	*	C!I7529

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	20	D!D7529
RCEP D	2023	2023	20	D!E7529
RCEP D	2024	2024	20	D!F7529
RCEP D	2025	2025	20	D!G7529
RCEP D	2026	2026	20	D!H7529
RCEP D	2027	2027	20	D!I7529
RCEP E	2022	2022	20	E!D7532
RCEP E	2023	2023	20	E!E7532
RCEP E	2024	2024	20	E!F7532
RCEP E	2025	2025	20	E!G7532
RCEP E	2026	2026	20	E!H7532
RCEP E	2027	2027	20	E!I7532
RCEP F	2022	2022	20	F!D7529
RCEP F	2023	2023	20	F!E7529
RCEP F	2024	2024	20	F!F7529
RCEP F	2025	2025	20	F!G7529
RCEP F	2026	2026	20	F!H7529
RCEP F	2027	2027	20	F!I7529
VIFTA	2024	2024	16	VI!F6959
VIFTA	2025	2025	12	VI!G6959
VIFTA	2026	2026	8	VI!H6959
VIFTA	2027	2027	4	VI!I6959

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH NK XK trong lĩnh vực phát hành xuất bản phẩm (22/2018/TT-BTTTT-PL2)		22/2018/TT-BTTTT-PL	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	RCEP (Phụ lục B) 20%, RCEP (Phụ lục D) 20%, RCEP (Phụ lục E) 20%, RCEP (Phụ lục F) 20%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (20%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 20%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 4911.10 có 2 dòng thuế; dòng 4911.10.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	4911.10.10 Catalog chỉ liệt kê tên sách và các ấn phẩm về giáo dục, kỹ thuật, khoa học, lịch sử hoặc văn hóa	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 4911.10.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 20% của mã 4911.10.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N7782), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng

DM HH NK XK trong lĩnh vực phát hành xuất bản phẩm (22/2018/TT-BTTTT-PL2)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.